

Số: 259/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 358/2025/TLST-VLĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 219/2025/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1997; nơi thường trú: Thôn H, xã K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: Số B, Đường số F, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty TNHH L; địa chỉ: Số C, đường A, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu đô thị T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu bà Phạm Thị H trình bày:

Do bà H có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà H có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội D1 (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở D) để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà H được Bảo hiểm xã hội D1 (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở D) thông báo thời điểm từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017 bà H có ký hợp đồng lao động và làm việc tại với Công ty TNHH L. Vào thời gian nêu trên bà H đang thực tế và làm việc cũng như tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà H làm từ

tháng 4 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017 tại Công ty TNHH G. Thực tế, trong thời gian trên bà H không hề làm việc tại Công ty TNHH L.

Trong khoảng thời gian trên, bà H làm việc tại Công ty khác là Công ty TNHH G, có tham gia BHXH theo thời gian trên. Bà H không biết lý do vì sao mà bảo hiểm bà H bị trùng vì trước đó bà H không hề cho ai mượn giấy chứng minh nhân dân của bà H đến khi bà H liên hệ với bảo hiểm xã hội rút bảo hiểm thì mới phát hiện ra sự việc trên.

Do đó, nay bà H làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết như sau:

Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Phạm Thị H với người sử dụng lao động là Công ty TNHH L vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, Công ty TNHH L chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà H, Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH L đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017, người lao động lấy tên bà Phạm Thị H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7416088753. Cùng thời gian đó, bà H giao kết hợp đồng lao động với tại Công ty TNHH G từ tháng 9/2016 đến tháng 9/2016. Như vậy, có cơ sở xác định người sử dụng thông tin cá nhân của bà H để làm việc tại Công ty TNHH L và đã sử dụng thông tin cá nhân của bà H để xác lập quan hệ lao động nên bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở D thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Phạm Thị Hiền T từ tháng 9/2016 đến tháng 9 năm 2016. Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết với Công ty TNHH L vô hiệu là có cơ

sở chấp nhận.

[4] Xét thấy, việc người lao động sử dụng chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH L trong giai đoạn từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017 là người khác, không phải là bà H. Bà H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7416088753.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Phạm Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị H với Công ty TNHH L (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416088753) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7416088753 không phải là bà Phạm Thị H, sinh ngày 28/5/1997; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 066197022291. Bà Phạm Thị H được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7416088753.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0022937 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Hà